ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1959 /KH-UBND	*Hậu Giang, ngày 14 tháng 10 năm 2020*

KẾ HOẠCH
Hành động thực hiện Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030

Sau 25 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 14 tháng 01 năm 1993 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "*Chính sách Dân số - KHHGĐ"*, 15 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị "*về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số KHHGĐ*", hơn 03 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "*Về công tác dân số trong tình hình mới*" và các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương giảm sinh, mô hình gia đình sinh ít con, nuôi con khỏe, dạy con ngoan đã được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng thuận và duy trì thực hiện đến nay.

Tuy nhiên, khó khăn của tỉnh hiện tại là tổng tỷ suất sinh giảm khá nhanh qua từng năm. Theo số liệu quản lý chuyên ngành thì năm 2011 tổng tỷ suất sinh là 2,4 con/phụ nữ, đến năm 2019 giảm còn 1,3 con/phụ nữ, giảm 1,1 con/phụ nữ *(Đồng bằng sông Cửu Long là 1,8 con/phụ nữ, cả nước là 2,09 con/phụ nữ)*. Số người trong độ tuổi lao động, năm 2011 là 68,9%/tổng dân số, đến năm 2019 là 65,7%/tổng dân số, giảm 3,2%; số người từ 60 tuổi trở lên năm 2011 là 8,6%/tổng dân số thì đến năm 2019 là 13,93%, tăng 5,33%. Tỷ số giới tính khi sinh không ổn định, vượt ngưỡng cho phép. Đây là vấn đề cần báo động, nếu mức sinh thấp kéo dài sẽ tác động trực tiếp đến quy mô dân số, thu hẹp giai đoạn dân số vàng, tăng nguy cơ thiếu hụt lao động, đẩy nhanh tốc độ già hóa dân số, tỷ số giới tính khi sinh khó kiểm soát,... Điều này, gây ảnh hưởng rất lớn đến các yếu tố phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của Tỉnh hiện tại và trong thời gian tới. Tình trạng phân bố dân cư, quản lý di cư, nhập cư còn nhiều bất cập; việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người di cư tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn hạn chế; công tác truyền thông, giáo dục ở nhiều địa phương, nhóm đối tượng hiệu quả chưa cao; vai trò nhà trường còn hạn chế; nội dung truyền thông, cung cấp dịch vụ chưa toàn diện, chủ yếu còn tập trung vào KHHGĐ.

Do đó, Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 nhằm đẩy mạnh công tác vận động, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, ủng hộ tích cực của toàn xã hội trong việc thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "*Về công tác dân số trong tình hình mới*" là: *"Giải quyết toàn diện, đồng bộ*

các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số, phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển nhanh và bền vững đất nước".

Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 được xây dựng và tổ chức thực hiện trên tinh thần phát huy ưu điểm, những cách làm hay, có hiệu quả; khắc phục những bất cập, hạn chế; cải tiến nội dung, phương pháp, hình thức truyền thông cho phù hợp với từng nhóm đối tượng, theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "*Về công tác dân số trong tình hình mới*", bảo đảm hiệu quả của truyền thông để góp phần thực hiện chính sách toàn diện về dân số và phát triển.

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 137-NQ/CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Pháp lệnh Dân số; Pháp lệnh sửa đổi điều 10 Pháp lệnh Dân số và các Nghị định hướng dẫn thực hiện;

- Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Y tế;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số đến năm 2030.

- Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030.

- Chương trình số 144/CTr/TU ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025.

- Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030.

2. Căn cứ thực tiễn

- Trong thời gian qua công tác truyền thông, giáo dục dân số - kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) đã có những bước đột phá. Truyền thông, giáo dục được xác định là giải pháp cơ bản, được triển khai sâu rộng, thường xuyên ở tất cả các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể, tổ chức, cộng đồng, gia đình và từng cặp vợ chồng.

- Nội dung truyền thông thiết thực, sinh động, dễ hiểu, đã được đưa vào các cuộc thi; sinh hoạt, giáo dục trong và ngoài nhà trường. Đội ngũ cán bộ chuyên trách, cộng tác viên, tuyên truyền viên với phương châm "*đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng"* kiên trì, thường xuyên, liên tục, truyền thông vận động đến từng cặp vợ chồng, từng gia đình.

- Các phương tiện thông tin đại chúng tăng tầng suất, thời lượng, chuyên trang, chuyên mục về dân số. Thế mạnh của các kênh truyền thông truyền thống được phát huy thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số, cán bộ y tế cơ sở.

- Các kênh và loại hình truyền thông kỹ thuật số mới được sử dụng ngày càng rộng rãi và phát huy hiệu quả tích cực. Hàng ngàn các sản phẩm truyền thông như panô, áp phích, tờ rơi, sách lật.... và các cuộc mít tinh, diễu hành đã đưa các thông điệp chủ chốt như "*mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1-2 con*", sau này là *"mỗi cặp vợ chồng hãy sinh đủ 2 con"* lan tỏa, thấm sâu trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, công tác truyền thông cũng còn nhiều bất cập và tồn tại:

- Công tác truyền thông về dân số có sự suy giảm về cường độ và hiệu quả. Hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục chưa đồng đều giữa các khu vực, giữa các nhóm đối tượng. Nội dung truyền thông còn tập trung vào KHHGĐ, chưa chú ý nhiều đến các yếu tố của dân số và phát triển.

- Cơ cấu và tổ chức bộ máy của ngành dân số liên tục gặp biến động nhất là ở cơ sở, đội ngũ cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dân số thường xuyên thay đổi; kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông - giáo dục vừa thiếu và vừa yếu; tài liệu cũng như công tác tập huấn cho nhóm cán bộ làm công tác truyền thông tuyến tỉnh, huyện chưa được chú trọng đầu tư. Thực tế này ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện công tác chuyên môn về truyền thông - giáo dục.

- Kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số dành cho các hoạt động về truyền thông dân số không được đảm bảo. Địa phương chưa chú trọng đầu tư ngân sách cho các hoạt động truyền thông trên địa bàn, chủ yếu sử dụng kinh phí từ các đề án đã được phê duyệt. Các trang thiết bị truyền thông đã nhiều năm không được mua sắm, sửa chữa.

- Hậu Giang là 01 trong 21 tỉnh, thành phố có mức sinh thấp, điều này đã tác động bất lợi cho việc ổn định quy mô dân số và nhiều chỉ số chuyên ngành khác. Là Tỉnh có mức sinh rất thấp, nên đòi hỏi phải có chính sách linh hoạt, thích hợp trong từng giai đoạn để góp phần vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước. Điều này đòi hỏi công tác truyền thông phải nhạy bén có nội dung, hình thức và phương tiện truyền thông phù hợp với thực tế.

- Hiệu lực thi hành pháp luật thấp trong việc phát hiện hành vi và xử lý hành vi lựa chọn giới tính. Tình trạng phụ nữ mang thai biết được giới tính thai nhi còn phổ biến. Tỷ số giới tính khi sinh chưa được kiểm soát. Điều này, đòi hỏi phải thay đổi nội dung, phương pháp tiếp cận truyền thông để tạo dư luận xã hội lên án các hành vi công bố, lựa chọn giới tính thai nhi; khuyến khích người tham gia giám sát, phát hiện các hành vi sai nhằm đạt hiệu quả truyền thông cao hơn.

- Các biện pháp nâng cao chất lượng dân số bắt đầu được triển khai rộng, nhưng kết quả đạt được còn thấp do thiếu nguồn lực, đòi hỏi phải đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi cho phụ nữ và gia đình trong việc tham gia và chấp nhận tự chi trả cho các dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân,...

- Các vấn đề sức khỏe sinh sản (SKSS) còn nhiều hạn chế, nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục, ung thư đường sinh sản, vô sinh, hiếm muộn là rất đáng lo ngại. Điều đó đòi hỏi công tác truyền thông phải tiếp cận toàn diện các vấn đề SKSS, phải thay đổi phương pháp tiếp cận cho phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Hậu Giang đang là Tỉnh có "Cơ cấu dân số vàng" nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu để phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng. Chưa có sự chuẩn bị cho việc điều chỉnh kinh tế, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, quan hệ gia đình, tâm lý, lối sống, an sinh xã hội để thích ứng với cơ cấu dân số già đang song hành. Thực tế trên đòi hỏi công tác truyền thông phải tập trung vận động các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai các biện pháp phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng, thích ứng với quá trình chuyển đổi nhân khẩu học để góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

- Thực tế là vẫn có trường hợp kết hôn khi chưa đến tuổi quy định, tình trạng mang thai, nạo phá thai tuổi vị thành niên, thanh niên. Thực tế này đòi hỏi công tác truyền thông phải chú trọng hơn nữa đến nhóm đối tương đặc thù này, với những hình thức, sản phẩm truyền thông phù hợp với từng nhóm cụ thể.

- Lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chưa được chú trọng. Việc cung cấp thông tin, số liệu, nội dung, phương pháp, quy trình lồng ghép dân số trong phát triển chưa được đa dạng và thiếu thường xuyên.

- Nguồn lực dành cho công tác dân số từ khi chuyển từ cơ chế Chương trình mục tiêu quốc gia sang Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đã giảm đáng kể. Điều này đòi hỏi công tác truyền thông phải thay đổi cách tiếp cận, phương pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động truyền thông cho phù hợp với khả năng của nguồn lực và mang lại hiệu quả cao.

- Chính sách xã hội hóa công tác dân số, đặc biệt là trong công tác truyền thông gặp rào cản lớn bởi tâm lý bao cấp còn rất nặng nề trong khi thị trường phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGĐ chưa phát triển, thiếu cơ chế và giải pháp. Điều này đòi hỏi công tác truyền thông phải được đẩy mạnh để huy động nguồn lực đầu tư cho công tác dân số và phát triển.

- Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh làm thay đổi lối sống, tạo cơ hội tăng số người chấp nhận hành vi có lợi về dân số, SKSS, nhưng cũng tạo ra thách thức về truyền thông và cung cấp dịch vụ cho số người di cư tăng nhanh.

- Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, các lĩnh vực văn hoá, xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đời sống Nhân dân được cải thiện và trình độ dân trí được nâng cao là cơ hội thuận lợi cho công tác dân số và phát triển, nhưng cũng tạo ra thách thức cho công tác truyền thông đối với các nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế, xã hội khác nhau.

- Khoa học kỹ thuật phát triển, phương tiện truyền thông phát triển phong phú, đa dạng và hiện đại, tạo cơ hội cho người dân được tiếp cận nội dung dân số và phát triển bằng nhiều hình thức; đòi hỏi công tác truyền thông phải nhạy bén trong việc kiểm soát thông tin nhằm ngăn chặn các hành vi như tuyên truyền cách thức lựa chọn giới tính thai nhi, cung cấp thông tin sai lệch về các nội dung SKSS/KHHGĐ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu 1

Truyền thông nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; bộ, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương để huy động sự tham gia và cam kết với công tác dân số thông qua việc chỉ đạo, đầu tư nguồn lực, lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, phân bố dân cư hợp lý, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên góp phần phát triển nhanh, bền vững đất nước.

- Hàng năm các chỉ tiêu cần đạt được:

+ 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về chương trình dân số và phát triển.

+ 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến chương trình dân số và phát triển.

+ 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp cam kết bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và huy động kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác, sử dụng đúng mục tiêu kinh phí hỗ trợ từ Trung ương.

+ 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp xây dựng kế hoạch chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các nội dung về dân số và phát triển tại địa phương.

2. Mục tiêu 2

- Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, sự ủng hộ và tích cực thực hiện của mọi người dân, đặc biệt là các cặp vợ chồng, nam, nữ ở độ tuổi sinh đẻ trong cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, góp phần duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 90% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai góp phần thực hiện thành công cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, duy trì vững chắc mức sinh thay thế và đạt 95% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ hiểu biết đầy đủ về lợi ích của cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ sẵn sàng chấp nhận thực hiện KHHGĐ, cam kết sinh đủ hai con và đạt 90% vào năm 2030.

3. Mục tiêu 3

- Truyền thông nâng cao nhận thức của toàn xã hội về lợi ích của việc kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị và quyền bình đẳng của trẻ em gái và không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 85% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin và hiểu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh và đạt 95% vào năm 2030; 80% các cặp vợ chồng cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 95% cán bộ và nhân viên y tế, cơ sở y tế cung cấp các dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và đạt 100% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 95% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện việc giáo dục giới tính, bình đẳng giới, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông và đạt 100% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 95% các cơ quan truyền thông đại chúng ở địa phương thường xuyên tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ, bình đẳng giới và đạt 100% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 90% vị thành niên/thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi và đạt 95% vào năm 2030; 85% trong số đó hiểu biết đầy đủ các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

4. Mục tiêu 4

- Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, kỹ năng thực hành của mọi người dân về các vấn đề liên quan đến tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, tiến tới đẩy lùi tình trạng này góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 90% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết, các nội dung liên quan đến chăm sóc SKSS/KHHGĐ và đạt 95% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% nam, nữ thanh niên hiểu rõ được lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết, các nội dung liên quan đến chăm sóc SKSS/KHHGĐ và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên/thanh niên tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được cung cấp các thông tin về hậu quả của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống và đạt 95% vào năm 2030. Tỷ lệ hiểu biết đầy đủ hậu quả của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh và đạt 95% vào năm 2030. Tỷ lệ hiểu rõ được những kiến thức cơ bản của tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 70% phụ nữ mang thai đồng ý tham gia tầm soát trước sinh và đạt 80% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% bà mẹ đồng ý tầm soát sơ sinh và đạt 95% vào năm 2030.

5. Mục tiêu 5

- Truyền thông nâng cao nhận thức, thái độ, kỹ năng thực hành của vị thành niên, thanh niên và đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về dân số, SKSS/KHHGĐ cho vị thành niên, thanh niên nhằm giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở nhóm đối tượng này.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 90% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, SKSS/KHHGĐ thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông và đạt 100% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% trẻ em vị thành niên/thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, SKSS/KHHGĐ như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn… và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 80% trẻ em vị thành niên/thanh niên hiểu và có kỹ năng thực hành về dân số, SKSS/KHHGĐ như biết cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, biết lựa chọn các biện pháp tránh thai phù hợp, hiểu được tác hại của việc phá thai, nắm được địa chỉ cung cấp các dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGĐ… và đạt 85% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 70% cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên/thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ dân số, SKSS/KHHGĐ và đạt 80% vào năm 2030.

6. Mục tiêu 6

- Truyền thông nâng cao nhận thức, tạo môi trường đồng thuận và tích cực tham gia của toàn xã hội vào phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 75% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ và đạt 85% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 75% người cao tuổi hiểu và áp dụng các kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp, chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, đi khám sức khỏe định kỳ và đạt 85% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% người dân hiểu được nghĩa vụ, trách nhiệm, đạo lý truyền thống trong chăm sóc, giúp đỡ và phát huy vai trò người cao tuổi; nghĩa vụ, trách nhiệm quan tâm, phụng dưỡng người cao tuổi; hình thành nền tảng nhận thức xã hội và ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc chủ động tự lo cho tuổi già khi còn trẻ và đạt 95% vào năm 2030.

III. THỜI GIAN, PHẠM VI THỰC HIỆN, ĐỐI TƯỢNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời gian và phạm vi thực hiện Chương trình

Thực hiện từ năm 2020 đến năm 2030, chia thành hai giai đoạn.

- Giai đoạn 1 (từ năm 2020 đến 2025): thực hiện Đề án Truyền thông dân số đến năm 2025. Đổi mới toàn diện về nội dung, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác. Nội dung truyền thông giáo dục phải chuyển mạnh sang dân số và phát triển; đẩy mạnh truyền

thông giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội; tuyên truyền đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế, chấm dứt tình trạng lạm dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; tập trung tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả của việc thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số.

- Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến 2030): tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông dân số và đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác. Tăng cường truyền thông, giáo dục và tư vấn nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành dân số và phát triển, KHHGĐ/SKSS cho các nhóm đối tượng. Triển khai mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ các hoạt động truyền thông tại các cấp. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành, đoàn thể liên quan, huy động mọi tổ chức, cá nhân tích cực ủng hộ và tham gia các hoạt động truyền thông về dân số và phát triển.

2. Đối tượng

- Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, những nhà hoạch định chính sách và những người có uy tín trong cộng đồng.
- Cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.
- Các chức sắc tôn giáo; những người có uy tín trong cộng đồng,...
- Người cao tuổi.
- Nam, nữ; các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.
- Vị thành niên, thanh niên.
- Nhóm dân số đặc thù (dân di cư, đồng bào theo đạo, đồng bào vùng dân tộc thiểu số,…).
- Cán bộ cung cấp dịch vụ (SKSS, KHHGĐ, chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi).
- Phóng viên các cơ quan báo chí, cán bộ truyền thông và cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin cơ sở.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Tăng cường cung cấp thông tin về dân số và phát triển đến cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp

- Phương thức thực hiện: Tăng cường tham mưu, thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin chuyên đề về dân số và phát triển nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin cho lãnh đạo các cấp.
- Các hoạt động chủ yếu:

+ Định kỳ cung cấp thông tin cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về công tác xây dựng, thực hiện và đánh giá, giám sát chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về dân số và phát triển.

+ Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, báo cáo chuyên đề và tổ chức diễn đàn, đối thoại trên các phương tiện thông tin đại chúng với sự tham gia của lãnh đạo Đảng, chính quyền,...

+ Phối hợp với các Trường chính trị tỉnh, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện đào tạo và tập huấn về các nội dung dân số và phát triển thuộc chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống các trường chính trị.

+ Sản xuất và cung cấp các bản tin, tài liệu vận động về dân số và phát triển cho các cấp lãnh đạo (bản tin, sách mỏng, các báo cáo tổng hợp…).

2. Huy động các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia truyền thông về dân số và phát triển; tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình phối hợp, tập trung xây dựng các mô hình, hoạt động truyền thông toàn diện các nội dung về dân số và phát triển

- Phương thức thực hiện: Phối hợp với các Sở, UBND các cấp, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội để xây dựng và triển khai các chương trình phối hợp nhằm tăng cường công tác truyền thông, giáo dục về dân số và phát triển trong tình hình mới.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình vào năm 2021; hội nghị sơ kết giữa kỳ thực hiện Chương trình vào năm 2025 và hội nghị tổng kết Chương trình vào năm 2030.

+ Hàng năm hỗ trợ các sở, ban ngành, UBND các cấp, ban ngành, đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các hội thảo, hội nghị, tập huấn, giao lưu, tọa đàm, biên soạn tài liệu truyền thông … cho các nhóm đối tượng do các đơn vị quản lý.

+ Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng xây dựng và triển khai mô hình truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng do sở, ban ngành, đoàn thể quản lý và nhóm dân số đặc thù như người di cư, người tàn tật, người cao tuổi, dân tộc thiểu số, vùng có đông tín đồ tôn giáo,…

+ Năm 2021: Xây dựng mô hình truyền thông hiệu quả về dân số và phát triển phù hợp với tình hình của địa phương và các nhóm đối tượng ở từng địa bàn.

+ Năm 2022: Triển khai thí điểm mô hình tại một số địa phương, đánh giá kết quả sơ bộ vào cuối năm 2023 để lựa chọn những mô hình hiệu quả cho triển khai rộng rãi.

+ Từ năm 2024-2030: Triển khai đại trà các mô hình đã được lựa chọn sau khi triển khai thí điểm.

+ Định kỳ hàng quý tổ chức các buổi nói chuyện, thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thi tìm hiểu, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho các thành viên, hội viên và Nhân dân cư trú trên địa bàn,…

+ Huy động các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng, tích cực ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào sinh hoạt của cộng đồng, đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn ấp văn hóa, gia đình văn hóa.

+ Tổ chức các sự kiện truyền thông, gây ấn tượng, thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia; tạo dư luận xã hội đồng thuận, ủng hộ việc xây dựng và thực hiện các hành vi tích cực và phê phán các hành vi vi phạm về chính sách dân số và phát triển. Hàng năm, tổ chức các sự kiện vào các dịp kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới, Ngày Quốc tế trẻ em gái, Ngày Tránh thai thế giới, Ngày Thalassemia Thế giới, Ngày Quốc tế Người cao tuổi, Tháng hành động Quốc gia về Dân số và các sự kiện truyền thông khác.

3. Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển; bảo đảm về chất lượng, đổi mới về hình thức, nội dung. Cung cấp trang thiết bị, phương tiện truyền thông phù hợp cho cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác truyền thông về dân số và phát triển, ưu tiên tuyến cơ sở, nhất là các xã nghèo, vùng sâu, vùng xa

- Phương thức thực hiện: Tăng cường và nâng cao hiệu quả việc sản xuất các sản phẩm truyền thông dân số và phát triển để phục vụ truyền thông trực tiếp và cung cấp cho các nhóm đối tượng; chú trọng hình thức, nội dung, cách thể hiện phù hợp với các nhóm dân số đặc thù, khó tiếp cận ở các vùng khó khăn; chú trọng phát triển số lượng và chất lượng các sản phẩm truyền thông; đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông. Cung cấp trang bị, dụng cụ, phương tiện truyền thông cho cơ quan, đơn vị truyền thông, bao gồm cả trung tâm, điểm tư vấn thuộc hệ thống dân số; ưu tiên các trang thiết bị, dụng cụ truyền thông phù hợp cho xã nghèo, xã ở vùng sâu, vùng xa.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Định kỳ hàng năm sản xuất các tài liệu và sản phẩm truyền thông như tờ rơi, sách mỏng, tranh lật, pa nô, áp phích, bản tin chuyên đề, phóng sự, thông điệp truyền hình, thông điệp phát thanh… về các nội dung dân số và phát triển.

+ Định kỳ tổ chức các cuộc thi sáng tác tranh, kịch bản, ca khúc, thơ ca, hò vè, triển lãm ảnh… về các nội dung mới của công tác dân số.

+ Thường xuyên cập nhật các thông tin dân số và phát triển trên các báo điện tử, mạng xã hội. Các nội dung này sẽ được làm mới bằng các phóng sự ảnh, hoặc bằng video, hoặc âm thanh để mọi người dễ dàng tiếp cận vấn đề hơn ngoài văn bản và hình ảnh truyền thống.

+ Đánh giá thực trạng và tình hình sử dụng trang thiết bị truyền thông trong hệ thống dân số các cấp: Thực hiện năm 2021.

+ Xây dựng kế hoạch đầu tư, cung cấp trang thiết bị, phương tiện truyền thông phù hợp, hiệu quả cho hệ thống dân số các cấp.

4. Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển trên các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự, tin bài, sách, ảnh, sự kiện truyền thông; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào các chương trình giải trí, thể thao, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng; tập trung khai thác, phát triển và tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác

- Phương thức thực hiện: Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng trong việc truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển trên các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự, tin bài, sách, ảnh.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Phối hợp với các cơ quan truyền thông tăng cường phát sóng, đăng tải các tin, bài, phóng sự … về dân số và phát triển.

+ Mở rộng các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về dân số và phát triển qua internet, trang tin điện tử, mạng xã hội, điện thoại di động và các phương tiện truyền tin khác.

+ Chuyển tải các nội dung, tài liệu truyền thông về dân số và phát triển từ bản in sang bản điện tử đưa lên mạng internet.

+ Thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm trên truyền hình với sự tham gia của các nhà quản lý và các chuyên gia về các vấn đề dân số và phát triển.

+ Thường xuyên cập nhật và đưa tin các thông tin về dân số và phát triển trên đài phát thanh của tỉnh, huyện, xã.

+ Mỗi năm tổ chức một hội thảo định hướng công tác truyền thông cho đội ngũ phóng viên báo chí và cán bộ làm công tác truyền thông và thông tin cơ sở.

+ Biên soạn tài liệu cung cấp các nội dung truyền thông trên đài truyền thanh của xã, phường, thị trấn, nhất là đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc vào năm 2021. Các năm tiếp theo (*hai năm một lần)*, cập nhật, bổ sung các thông tin mới.

5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp trong hệ thống dân số các cấp; phát huy vai trò đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác dân số, y tế cơ sở nhằm hình thành và duy trì bền vững hành vi tích cực về dân số và phát triển của các tầng lớp nhân dân

- Phương thức thực hiện: Trên cơ sở xác định rõ đặc điểm của từng nhóm đối tượng, từng vùng tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, y tế cơ sở nhằm tạo sự thay đổi hành vi bền vững về dân số và phát triển của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Hàng năm tổ chức các cuộc mít tinh, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số.

+ Tổ chức tốt các đợt chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ SKSS/kế hoạch hóa gia và nâng cao chất lượng dân số.

+ Thường xuyên lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các cuộc họp, sinh hoạt văn nghệ, thể thao, giải trí của Nhân dân tại khu dân cư; đưa chính sách dân số và phát triển vào quy ước của cộng đồng, tiêu chuẩn ấp, xã, gia đình văn hóa.

+ Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế khi đến thăm hộ gia đình.

+ Định kỳ bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng truyền thông, cập nhật thông tin về dân số và phát triển cho những người làm công tác truyền thông, đặc biệt là đối với đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế trong các cuộc họp giao ban hàng tháng để tạo điều kiện thuận lợi thực hiện truyền thông, giáo dục và tư vấn có hiệu quả tại hộ gia đình.

+ Tuyên truyền tạo phong trào cho mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý. Tổ chức các cuộc thi thể dục, thể thao quần chúng, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp cán bộ, Nhân dân ở mọi lứa tuổi tham gia. Chú trọng nêu gương những đơn vị, cá nhân, gia đình điển hình.

6. Mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục thân thiện với trẻ em vị thành niên, thanh niên; đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc phổ biến kiến thức, kỹ năng về dân số, chăm sóc SKSS, sức khỏe tình dục, giới tính, bình đẳng giới, không kết hôn sớm, không kết hôn cận huyết thống cho trẻ em vị thành niên, thanh niên

- Phương thức thực hiện: Phối hợp chặt chẽ với gia đình, nhà trường và các đoàn thể, cộng đồng dân cư trong việc giáo dục, cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho vị thành niên/thanh niên.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Hỗ trợ và phối hợp với ngành giáo dục, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Liên đoàn Lao động, cộng đồng dân cư để xây dựng và triển khai các mô hình giáo dục hiệu quả, truyền thông chuyên biệt cho vị thành niên/thanh niên như nhóm giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, góc thân thiện tại các trường phổ thông, trường dạy nghề, các khu dân cư, khu công nghiệp, các doanh nghiệp và tại cơ sở cung cấp dịch vụ dân số, SKSS, KHHGĐ.

Năm 2021: Rà soát các mô hình hiệu quả hiện có dành riêng cho vị thành niên/thanh niên; xây dựng mô hình truyền thông dành cho vị thành niên/thanh niên.

Năm 2022-2024: Triển khai thí điểm và đánh giá sơ bộ để lựa chọn những mô hình hiệu quả cho triển khai rộng rãi.

Từ năm 2025-2030: Triển khai đại trà các mô hình đã được lựa chọn sau khi triển khai thí điểm.

+ Định kỳ hai năm một lần đào tạo lại, đào tạo nâng cao về kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên, kỹ năng tư vấn cho người cung cấp dịch vụ dân số, SKSS, KHHGĐ để bảo đảm cung cấp các dịch vụ mang tính thân thiện, bình đẳng, riêng tư, bảo mật và phù hợp với tâm lý của vị thành niên/thanh niên.

+ Sản xuất các sản phẩm truyền thông và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp với vị thành niên/thanh niên: Hàng năm biên soạn các tài liệu truyền thông như tờ rơi, sách mỏng…; tổ chức các chương trình truyền hình thực tế, các chương trình trò chơi, tọa đàm, giao lưu… trên sóng truyền hình hoặc trên mạng xã hội về các vấn đề liên quan đến dân số và phát triển dành cho vị thành niên/thanh niên.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác truyền thông; huy động sự tham gia, đóng góp phương tiện, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cho công tác truyền thông về dân số và phát triển

- Phương thức thực hiện: Vận động tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực tư nhân và người dân cùng tham gia và đóng góp phương tiện, nguồn lực cho công tác truyền thông dân số và phát triển.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Tìm kiếm, lựa chọn và xây dựng nội dung hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, các ngành nghề có điều kiện và có thể bổ trợ cho ngành dân số để nâng cao chất lượng truyền thông, giáo dục về dân số và phát triển ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo, sản xuất các sản phẩm truyền thông như biên soạn tờ tin, tờ rơi, xây dựng thông điệp truyền hình, thông điệp phát thanh… nhằm vận động cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp ban hành các nghị quyết, chính sách, quy định ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động xã hội hóa công tác truyền thông về dân số và phát triển nhằm thu hút các nguồn lực hợp pháp từ mọi thành phần trong xã hội.

+ Tổ chức các cuộc tập huấn, nói chuyện chuyên đề, truyền thông trực tiếp, gián tiếp... nhằm cung cấp, cập nhật kiến thức và huy động sự ủng hộ của cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp đối với các hoạt động xã hội hóa công tác truyền thông về dân số và phát triển.

+ Tổ chức các chiến dịch, hoạt động, sự kiện truyền thông về dân số và phát triển nhân các ngày lễ, kỷ niệm của ngành có sự đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, tập thể, cá nhân quan tâm.

+ Thường xuyên tuyên truyền trên các loại hình truyền thông về lợi ích của việc đầu tư cho công tác dân số và phát triển nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của lãnh đạo chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện cũng như định hướng dư luận cho người dân địa phương.

+ Tạo điều kiện thuận lợi để cho các tập thể, cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động truyền thông về dân số và phát triển trên cơ sở công - tư đều bình đẳng và có lợi.

8. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ truyền thông trong hệ thống dân số và cán bộ truyền thông, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên các ngành, các cấp

- Phương thức thực hiện: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ truyền thông trong hệ thống dân số và cán bộ truyền thông, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên các ngành, các cấp thông qua tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền vận động, kỹ năng truyền thông và quản lý các hoạt động truyền thông...

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Cung cấp thông tin cập nhật về dân số và phát triển, chính sách, pháp luật mới ban hành; hướng dẫn về nội dung truyền thông ưu tiên; thông điệp chuẩn của vấn đề, chủ đề dân số cho đội ngũ phóng viên báo chí của cơ quan truyền thông đại chúng, cán bộ truyền thông của các trung tâm, điểm tư vấn các cấp thông qua các hội thảo ở địa phương.

+ Tổ chức tập huấn cập nhật kiến thức kỹ thuật, kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại trên trang tin điện tử, mạng xã hội, qua internet, điện thoại di động cho đội ngũ nhân viên thực hiện của cơ quan, tổ chức.

+ Đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ truyền thông cho đội ngũ cán bộ truyền thông cấp cấp huyện, cấp xã và ban, ngành, đoàn thể địa phương.

+ Biên soạn sách mỏng giới thiệu tóm lược những nội dung chính của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và những chủ trương, chính sách mới.

9. Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật định kỳ và đột xuất; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kịp thời tuyên dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình

- Phương thức thực hiện: Hàng năm, thành lập các đoàn liên ngành đi kiểm tra, giám sát hỗ trợ định kỳ và đột xuất tại các địa bàn triển khai Chương trình.

- Các hoạt động chủ yếu:

+ Tổ chức định kỳ và đột xuất các chuyến đi kiểm tra, giám sát với sự tham gia của các sở, ban ngành, đoàn thể liên quan như y tế, thanh niên, phụ nữ, nông dân, công đoàn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam…

+ Tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về kiểm tra, giám sát hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ truyền thông ở cơ sở.

+ Xây dựng và cung cấp biểu mẫu báo, phiếu giám sát cho địa phương.

V. KINH PHÍ

*** Cấp tỉnh**

Tổng kinh phí: **5.936.650.000 đồng** *(năm tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*, cụ thể:

STT	Năm	Số tiền (đồng)
1	2021	Sử dụng kinh phí tại Đề án số 1052/ĐA-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh
2	2022	
3	2023	
4	2024	
5	2025	
6	2026	1.187.330.000
7	2027	1.187.330.000
8	2028	1.187.330.000
9	2029	1.187.330.000
10	2030	1.187.330.000
	Tổng	**5.936.650.000**

- Nguồn kinh phí cấp tỉnh: từ nguồn chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, kinh phí sự nghiệp y tế và các nguồn hợp pháp khác.

*** Cấp huyện**

Kinh phí cấp huyện giao cho UBND huyện, thị xã, thành phố cân đối, cấp bổ sung theo tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch này theo phân cấp quản lý.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Chương trình truyền thông đến năm 2030 đạt hiệu quả cao; Định kỳ báo cáo UBND tỉnh; tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình hàng năm để bổ sung các hoạt động cho phù hợp tình hình thực tế và tổng kết vào cuối năm 2030.

- Giao Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh tổ chức quản lý, điều hành triển khai các hoạt động của Chương trình. Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện; xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

3. Sở Tư pháp

Cùng với cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, các chính sách theo hướng tăng cường hiệu quả, tạo hành lang pháp lý trong việc thực hiện công tác dân số và phát triển tại địa phương.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của toàn xã hội về bình đẳng giới, không thực hiện lực chọn giới tính thai nhi, nhằm kiểm soát mất cân bằng giới tính thai nhi, giá trị và quyền bình đẳng của trẻ em gái.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn Tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kịp thời thông tin các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của nhà nước về lĩnh vực dân số và phát triển.

6. Báo Hậu Giang, Đài phát thanh và Truyền hình

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền rộng rãi nội dung của Chương trình tạo sự đồng thuận, thống nhất nhận thức và sự ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân về công tác dân số, nâng cao chất lượng dân số.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế (Chi Cục Dân số -KHHGĐ) tăng cường tuyên truyền, vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức về dân số và phát triển.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp cùng Sở Y tế và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền giáo dục hành vi cho người dân về các nội dung dân số và phát triển.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp cùng Sở Y tế và cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nội dung Chương trình; đặc biệt lồng ghép các nội dung giáo dục về giới và bình đẳng giới, dân số, SKSS, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh trong nhà trường, chương trình giảng dạy và quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh: trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp Sở Y tế (thông qua Chi cục Dân số -KHHGĐ) lồng ghép các hoạt động trọng các chương trình, kế hoạch của đơn vị để thực hiện Chương trình, đặc biệt là đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia hoạt động công tác dân số và phát triển.

10. UBND huyện, thị xã, thành phố

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động của Chương trình; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và đơn vị có liên quan tại địa phương phối hợp thực hiện Chương trình; bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách địa phương thực hiện toàn diện, đồng bộ công tác dân số đã được phân cấp theo quy định; lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của Chương trình với các hoạt động của các Chương trình/dự án của các ngành khác có liên quan đang thực hiện trên cùng địa bàn đảm bảo, hiệu quả tiết kiệm; kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo việc thực hiện Chương trình tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất (nếu có).

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030; đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Y tế (thông qua Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế (báo cáo);
- Tổng cục DS-KHHGĐ (báo cáo);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH. LHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đồng Văn Thanh